

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC MICHIKO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN GIÁO DỤC MICHIKO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MICHIKO EDUCATION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MICHIKO EDU.,JSC.

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110681746

**3. Ngày thành lập:** 11/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tòa nhà Việt Á, số 9 Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0932302088

Fax:

Email: [Tovanquan5@gmail.com](mailto:Tovanquan5@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                   | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                         | 4610        |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; | 4649        |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                             | 4659        |
| 4.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                   | 8230        |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa                                          | 8299        |
| 6.  | Giáo dục nhà trẻ<br>Chi tiết: Hoạt động giáo dục trẻ em từ ba tháng tuổi đến ba tuổi<br>(Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)         | 8511(Chính) |
| 7.  | Giáo dục mẫu giáo<br>Chi tiết: Hoạt động giáo dục trẻ em từ ba tuổi đến sáu tuổi (Chỉ hoạt động khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép)                | 8512        |
| 8.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                              | 8531        |
| 9.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;<br>- Dạy máy tính.                                           | 8559        |
| 10. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                     | 8560        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Cắt tóc, làm đầu, gội đầu<br>(Trừ hoạt động gây chảy máu)                                                                                                                                                                           | 9631 |
| 12. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                      | 6619 |
| 13. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                          | 6810 |
| 14. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                        | 4690 |
| 15. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Hoạt động thương mại điện tử: Website thương mại điện tử bán hàng; Website cung cấp dịch vụ thương mại điện tử<br><br>- Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet; | 4791 |
| 16. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                         | 5630 |
| 17. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                                                                      | 7730 |
| 18. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                             | 4772 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                              | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | LÊ THỊ MINH<br>TRANG | Lô 18 A4 MB<br>1568 Quảng<br>Hưng, Phường<br>Quảng Hưng,<br>Thành phố Thanh<br>Hoá, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 5.000         | 50.000.000               | 5,000        | 0381920378<br>19                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Tổng số                            | 5.000         | 50.000.000               | 5,000        |                                                                                                                        |            |
| 2   | PHẠM MAI<br>PHƯƠNG   | Lô 18 A4 MB<br>1568 Quảng<br>Hưng, Phường<br>Quảng Hưng,<br>Thành phố Thanh<br>Hoá, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 50.000        | 500.000.000              | 50,000       | 0261860062<br>58                                                                                                       |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                      |                                                                                                                 | Tổng số                            | 50.000        | 500.000.000              | 50,000       |                                                                                                                        |            |

|   |             |                                                                 |                           |        |             |        |              |
|---|-------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | TÔ VĂN QUÂN | Thôn 1, Xã Vũ Thắng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 | 034089022182 |
|   |             |                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |             |                                                                 | Tổng số                   | 45.000 | 450.000.000 | 45,000 |              |
|   |             |                                                                 |                           |        |             |        |              |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TÔ VĂN QUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/02/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034089022182

Ngày cấp: 22/07/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 1, Xã Vũ Thắng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 1, Xã Vũ Thắng, Huyện Kiến Xương, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội